

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2025

V/v tranh chấp "xin ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tám

Ông Đoàn Văn Phôi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Thanh T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Bình Hòa A, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang;
Nay là ấp Bình Hòa A, xã N, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.
Nay là Khu phố Kinh 12, phường M, tỉnh Đ.

- Anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Chị N vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 04/3/2025 nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị Ngọc N cưới nhau vào năm 2015, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ngày 17/4/2015. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì

phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, lý do là do vợ tôi thường đi sớm về khuya, dần dần không về nhà, tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống, sau đó thuê nhà trọ ở không về nhà nữa, không quan tâm gia đình, chồng, con. Vì vậy từ năm 2024 chúng tôi ly thân nhau cho đến nay, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Thanh P, sinh ngày 25/02/2018, hiện do tôi đang nuôi dưỡng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N; Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Thanh P, sinh ngày 25/02/2018, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30/7/2025 nguyên đơn anh Lê Thanh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh T và cũng được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần để hòa giải nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Lê Thanh T xin vắng mặt.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của anh Lê Thanh T trong quá trình giải quyết vụ án, thì anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc N. Chị Nguyễn Thị Ngọc N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Kinh 12, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Nay là Khu phố Kinh 12, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn anh Lê Thanh T đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt hợp lệ; bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng chị N vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn anh Lê Thanh T và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Thanh T yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Thanh T. Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị N cưới nhau vào năm 2015, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ngày 17/4/2015. Anh T xác định sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, lý do là do vợ anh thường đi sớm về khuya, dần dần không về nhà, tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sống, sau đó thuê nhà trọ ở không về nhà nữa, không quan tâm gia đình, chồng, con. Vì vậy vợ chồng ly thân từ năm 2024 cho đến nay, nên anh không thể tiếp tục chung sống với chị N được nữa. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì.

Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian ly thân của anh T và chị N từ năm 2024 đến nay cũng đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, anh T và chị N cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án anh T cương quyết được xin ly hôn đối với chị N vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của anh T và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng chị N vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Chị N đã được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng chị N vẫn không có ý kiến. Như vậy chứng tỏ chị N đã không còn tình cảm đối với anh T. Theo đơn xin xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn của anh Lê Thanh T, được chính quyền địa phương chứng thực, thì anh T và chị N có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không hạnh phúc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Lê Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc N là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh T và chị N có 01 chung là cháu Lê Thanh P, sinh ngày 25/02/2018, hiện đang sống với anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu P. Lời khai của cháu P cũng có yêu cầu được sống với Cha. Quá trình giải quyết vụ án chị N cũng không có ý kiến hay yêu cầu về việc nuôi con chung. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho anh T tiếp tục nuôi một con chung giữa anh và chị N là cháu Lê Thanh P là phù hợp, đảm bảo cuộc sống cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án anh T không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Th xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho anh Lê Thanh T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ngọc N.

2. Về con chung:

- Giao cho anh Lê Thanh T được tiếp tục nuôi một con chung giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc N là cháu Lê Thanh P, sinh ngày 25/02/2018.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Thanh T chưa có yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Anh Lê Thanh T phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0000753 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp), xem như anh T thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Anh T và chị N được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND Khu vực 4, Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường Mỹ Phước Tây, T. Đồng Tháp;
- Các đương sự:
- + Lê Thanh Thủy
- + Nguyễn Thị Ngọc Nhi
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh